

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2020/DS-ST  
Ngày: 30/9/2020  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hội*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoàng Hoa
2. Bà Lê Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Dương Kim Cương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:**  
Không tham gia

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp Hợp đồng hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà T, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện G, Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Chị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, Tiền Giang.

*Bị đơn:* Chị A, sinh năm 1976

Anh H, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Chị N, anh H, chị A vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020 của chị T và quá trình giải quyết vụ án chị N là người đại diện của nguyên đơn trình bày:**

Bà T có tham gia chơi nhiều dây hội của bà A và ông H tổ chức chơi hội như sau:

1/- Dây hội 500.000 đồng/tháng, khai ngày 10/10/2014 Âm lịch, tổng số là 28 phần, Bà T tham gia 02 phần, Bà T đóng được 25 tháng hội sống mỗi tháng Bà T đóng 800.000 đồng/2 phần, dây hội này ông Hạnh và bà Anh còn nợ Bà T số tiền 20.000.000 đồng.

2/- Dây hội 500.000 đồng/tháng, khai ngày 05/2/2015 Âm lịch, tổng số là 28 phần, Bà T tham gia 01 phần, Bà T đóng được 22 tháng hội sống mỗi tháng tui đóng 400.000 đồng, dây hội này ông Hạnh và bà Anh còn nợ Bà T số tiền 8.800.000 đồng.

3/- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2015 Âm lịch, tổng số là 28 phần, Bà T tham gia 01 phần, Bà T đóng được 14 tháng hội sống mỗi tháng Bà T đóng 800.000 đồng, dây hội này ông Hạnh và bà Anh còn nợ Bà T số tiền 11.200.000 đồng.

4/- Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/11/2015 Âm lịch, tổng số là 21 phần, Bà T tham gia 01 phần, Bà T đóng được 13 tháng hội sống mỗi tháng Bà T đóng 1.600.000 đồng, dây hội này ông Hạnh và bà Anh còn nợ Bà T số tiền 20.800.000 đồng.

5/- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/12/2015 Âm lịch, tổng số là 32 phần, Bà T tham gia 01 phần, Bà T đóng được 5 tháng hội sống đến tháng thứ 6 Bà T hốt hội được 23.350.000 đồng và Bà T đóng hội chết được 17 tháng thì ông Hạnh bà Anh tuyên bố vỡ hội nên dây hội này Bà T còn nợ ông Hạnh bà Anh 9 tháng hội chết với số tiền là 9.000.000 đồng.

Tổng các dây hội trên thì ông Hạnh bà Anh còn nợ Bà T tổng số tiền là 60.800.000 đồng và trừ số tiền hội Bà T còn nợ ông Hạnh bà Anh 9.000.000 đồng thì ông Hạnh bà Anh còn nợ Bà T số tiền nợ hội là 51.800.000 đồng.

Do đó bà T kiện yêu cầu vợ chồng ông H và bà A trả cho Bà T số tiền nợ hội 51.800.000 đồng (Năm mươi một triệu tám trăm ngàn đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị A và anh H biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị A và anh H từ chối nhận văn bản và vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị T khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị A và anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện ủy quyền nguyên đơn

chị N có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị A và anh H, chị N là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị T yêu cầu chị A và anh H trả số tiền hui còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng hui*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T khởi kiện yêu cầu chị A và anh H trả tiền hui còn nợ với số tiền là 51.800.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị T là 05 giấy giao hui và lời khai của các người làm chứng là các hui viên về việc tham gia hui và mở hui của chị A. Có đủ cơ sở xác định giữa chị T với chị A đã xác lập hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Căn cứ vào giấy giao hui và lời khai của những người làm chứng là chị Nguyễn Thị Diệp Em, bà Nguyễn Thị Hương, bà Huỳnh Thị Thắm, bà Phan Thị Thắm đều là những hui viên cùng tham gia hui đối với những dây hui mà chị T có tham gia do chị A mở hui. Tại các bản án số 343/2018/DS-ST ngày 17/10/2018, bản án số 348/2019/DS-ST ngày 22/10/2019, bản án số 398/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đều xác định chị A có mở các dây hui trên và trong các dây hui có sự tham gia của chị T cùng bà Hương, bà Thắm, Phan Thị Thắm, chị Diệp Em và những hui viên khác. Các bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, lời trình bày của chị T về các dây hui cũng như quá trình tham gia đóng hui là có cơ sở, phù hợp với lời khai của người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đối với anh H là chồng của chị A, dù không trực tiếp tham gia làm chủ hui nhưng anh biết chị A có mở hui, quá trình góp hui anh H có đi gom tiền hui và nhận tiền từ các hui viên. Do đó, anh H cũng có nghĩa vụ liên đới với chị A trong việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui cho chị T.

[2.3] Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị A và anh H tuy nhiên chị A và anh H không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị A và anh H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định chị A và anh H còn nợ chị T số tiền 51.800.000 đồng. Xét thấy chị A và anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó chị T yêu cầu chị A và anh H trả số tiền 51.800.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị A và anh H trả cho chị T số tiền 51.800.000 đồng (Năm mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

### **2. Về án phí:**

Chị A và anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.356.900 đồng

Bà Bùi Thị Thanh Vân được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.434.000 đồng theo biên lai thu tiền số 3982 ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo

**3.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T cho đến khi thi hành án xong, chị A và anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Vĩnh Lộc**